

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày 19-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Huân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Khoàng Văn Sơn** và ông **Chảo Phù Hiễn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:*
Ông **Nguyễn Tiến Khôi**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Hoàng Việt A, sinh năm 1995 tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hoàng Văn Đ, sinh năm 1969.

Con bà: Ngô Thị V, sinh năm 1972.

Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm Hình chính.

Đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 20/01/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2022, tạm giam ngày 14/01/2022, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Poòng Văn V, sinh năm 1996; 2. Lường Thị T, sinh năm 1988; 3. Poòng Thị N, sinh năm 1997; 4. Poòng Văn H, sinh năm 1992; 5. Cà Thị L, sinh năm 1996; 6. Poòng Văn M, sinh năm 1987; 7. Lường Thị V, sinh năm 1980; 8. Thùng Thị T, sinh năm 1981; 9. Thùng Thị L, sinh năm 1982; 10. Lường Thị N, sinh năm 1989; 11. Trần Viết K, sinh năm 1976; 12. Lò Thị N, sinh năm: 1987; 13. Poòng Thị T, sinh năm 1986; 14. Poòng Văn C, sinh năm 1966; 15. Thùng Văn T, sinh năm 2003

Đều có địa chỉ: Bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên.

16. Lường Văn B, sinh năm 2001, địa chỉ bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

17. Lò Đức H, sinh năm 2001; 18. Lò Văn H, sinh năm 1996; 19. Thùng Văn V, sinh năm 1978.

Đều có địa chỉ: Bản N 3, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

20. Poòng Thị M, sinh năm 1979;

21. Tao Thị L, sinh năm 1973;

Đều có địa chỉ: Bản N, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên.

22. Lý Văn C, sinh năm 1971; 23. Mào Văn L, sinh năm 1990; 24. Hùng Văn N, sinh năm 1992; 25. Lùng Văn T, sinh năm 1988; 26. Mào Văn L, sinh năm 1986; 27. Lý Thị C, sinh năm 1985; 28. Lùng Văn I, sinh năm 1971; 29. Lùng Văn B, sinh năm 1992; 30. Lò Văn C, sinh năm 1987; 31. Mào Văn T, sinh năm 1988; 32. Mào Văn T, sinh năm 1986; 33. Lùng Văn B, sinh năm 2000; 34. Ly Văn S, sinh năm 1975; 35. Lý Văn B, sinh năm 1982; 36. Lùng Văn T, sinh năm 1988; 37. Lùng Văn D, sinh năm 1995; 38. Mào Văn T, sinh năm 1998; 39. Chảo Văn S sinh năm 1974; 40. Lùng Văn T, sinh năm 1988; 41. Chảo Văn T, sinh năm 1990; 42. Hùng Văn C, sinh năm: 1987.

Đều có địa chỉ: Bản L, xã P huyện N, tỉnh Điện Biên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do: Poòng Văn M, Lường Thị V, Thùng Thị T, Lò Thị N, Poòng Thị M, Tao Thị L. Những người còn lại đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2019, Hoàng Việt A giao dịch, gửi giấy tờ cá nhân cho đối tượng Đào Thị H để H làm giấy phép lái xe hạng A1 (sau đây viết tắt là GPLX) cho Hoàng Việt A. Cách thức làm đều thông qua mạng internet, qua tài khoản cá nhân của H và qua chuyển phát nhanh (ship COD) để chuyển tiền và nhận giấy phép lái xe. Sau khi nhận được GPLX, bị cáo hỏi H nếu bị cáo tìm được người mua GPLX thì nhận được tiền công thế nào. H nói giá mua vẫn như bán cho bị cáo tức

là giá 1.200.000 đồng, đặt cọc trước 200.000 đồng không có hồ sơ ; giá 1.800.000 đồng có hồ sơ đặt cọc trước 400.000 đồng, số tiền còn lại khi nhận GPLX thì trả cho nhân viên giao Hàng. Thấy việc làm GPLX dễ dàng, bị cáo dùng điện thoại đăng bài viết lên facebook với nội dung nhận làm GPLX thật hạng A1 không phải làm hồ sơ thì sát hạch.

Khoảng tháng 7 năm 2019, có Lò Văn H, Lò Đức H ở bản N 3, Lường Văn B, Thùng Văn V ở bản N 1, xã N nhờ bị cáo làm GPLX hạng A1. Trên cơ sở giá tiền thống nhất với Đào Thị H, bị cáo thông báo cho 4 người trên cả tiền công của bị cáo. Sau khi mua được GPLX, khoảng cuối tháng 7/2019, Lò Đức H kiểm tra trên trang web gplx.gov.vn phát hiện GPLX mua của Việt A là giả và yêu cầu bị cáo trả lại tiền nhưng Hoàng Việt A không có tiền trả. Lúc này, bị cáo biết được tất cả những GPLX mua của H đều là GPLX giả. Bị cáo gọi điện cho H qua mạng facebook đòi H trả tiền nhưng H nói cũng chỉ là trung gian, số tiền đã được chuyển đi, không có tiền trả lại. Tuy nhiên do hám lời, Hoàng Việt A tiếp tục đăng thông tin nhận làm GPLX thật lên mạng facebook mà không cần làm hồ sơ, không phải thi sát hạch nhằm kiếm lời. Khoảng cuối tháng 8/2019, Poòng Văn V đọc được thông tin bài viết liền liên lạc với bị cáo và biết được chỉ cần chụp ảnh chân dung, ảnh 2 mặt chứng minh nhân dân gửi cho bị cáo, giá 1.800.000 đồng, đặt cọc trước 800.000 đồng ; nếu kèm theo hồ sơ thì giá 2.500.000 đồng, đặt cọc trước 1.100.000 đồng, số tiền còn lại khi nào nhận được GPLX sẽ thanh toán cho nhân viên giao Hàng. Hoàng Việt A nói với V là GPLX bị cáo cũng đang sử dụng để lấy lòng tin và thỏa thuận nếu V tìm được người làm GPLX thì mỗi người bị cáo sẽ trả công cho V 100.000 đồng và gửi địa chỉ của V cho H để H chuyển GPLX trực tiếp cho V. Thông qua Poòng Văn V, bị cáo đã nhiều lần nhận tiền và thông tin của người dân để làm GPLX hạng A1. Cụ thể :

Lần 1: Khoảng đầu tháng 6/2020 đến cuối tháng 8/2020 Poòng Văn V nhận tiền đặt cọc của 13 người ở bản L, xã P, huyện N với số tiền 10.800.000 đồng để chuyển cho Hoàng Việt A. V giữ lại 1.300.000 đồng tiền công đồng thời gửi ảnh, thông tin của 13 người cho bị cáo. Khi nhận được tiền, bị cáo giữ lại 6.500.000 đồng, chuyển cho đối tượng H 2.600.000 đồng. Thông qua ship COD, đối tượng H đã chuyển tHnh công 13 GPLX cho người dân ở bản L và thu thêm mỗi người 1.000.000 đồng để nhận GPLX.

Lần 2: Khoảng đầu tháng 9/2020, sau khi làm được GPLX, Lường Thị T giới thiệu cho V 03 người có nhu cầu làm GPLX có hồ sơ. Lường Thị T đứng ra chụp ảnh giấy tờ, nhận tiền đặt cọc chuyển cho V. Trong 3 hồ sơ này có 2 hồ sơ V tự ý đặt giá 2.600.000 đồng, cọc trước 1.200.000 đồng; 01 hồ sơ giá 2.500.000 đồng, cọc trước 1.100.000 đồng. Đối với 3 hồ sơ này, bị cáo trả công cho V 200.000 đồng/hồ sơ (V thu thêm 2 hồ sơ ở xa mỗi hồ sơ 100.000 đồng, tổng 3 hồ sơ này V lấy công 800.000 đồng và chia cho T 250.000 đồng). Sau khi nhận được 2.700.000 đồng tiền cọc, bị cáo chuyển cho H 1.200.000 đồng và thu lời 1.500.000 đồng. H đã làm tHnh công 3 GPLX và chuyển ship COD cho V. Lường Thị T đi thu của mỗi người 1.400.000 đồng còn lại đưa cho V để giao cho nhân viên giao Hàng.

Lần 3: Khoảng giữa tháng 9/2020 có 16 người ở bản L, xã P, huyện N đặt cọc cho V để làm GPLX. Trong đó có 2 người đặt cọc 2.200.000 đồng để làm GPLX có hồ sơ. V giữ lại 200.000 đồng tiền công rồi gửi cho bị cáo 2.000.000 đồng. Số tiền này bị cáo chuyển cho H 800.000 đồng, còn lại 1.200.000 đồng bị cáo thu lời. Tiếp theo 14 người không lấy hồ sơ đặt cọc cho V 11.200.000 đồng. V giữ lại 1.400.000 đồng tiền công đồng thời chuyển cho bị cáo 9.800.000 đồng. Hoàng Việt A nhận tiền chuyển cho H 2.800.000 đồng, còn lại bị cáo thu lời 7.000.000 đồng. Những người làm GPLX cũng nhận ship COD như các lần trước đồng thời trả số tiền còn lại cho nhân viên giao Hàng. Do lần này nhiều người làm nên H chuyển cho Hoàng Việt A thêm 500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo thu lời lần này là 8.700.000 đồng.

Lần 4: Khoảng cuối tháng 10/2020, có 5 người ở bản L xã P, huyện N đặt cọc cho V để làm GPLX không có hồ sơ. V nhận đặt cọc trước 4.000.000 đồng và chuyển cho bị cáo 3.500.000 đồng, giữ lại 500.000 đồng tiền công. Hoàng Việt A nhận tiền và chuyển cho H 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 2.500.000 đồng bị cáo thu lời. Sau khi làm xong GPLX, H gửi GPLX cho V, việc giao nhận tiền và GPLX được thực hiện như các lần trên.

Cáo trạng số 13/CT-VKSNP ngày 10/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Hoàng Việt A về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Hoàng Việt A từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Về trách nhiệm dân sự buộc Hoàng Việt A, Phòng Văn V phải trả lại cho 37 người dân ở xã P và xã C số tiền mua GPLX giả.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Hoàng Việt A và Phòng Văn V phải trả lại số tiền đã nhận để làm GPLX giả.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Kết luận giám định số 417/GĐ-PC09 ngày 16/4/2021 và Kết luận giám định số 1277/GĐ-PC09 ngày 25/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục 91, 97 kết luận: 37 giấy phép lái xe hạng A1 gửi giám định là giấy phép lái xe giả.

Kết luận giám định số 265/GĐ-PC09 ngày 27/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục 103 kết luận: Các dấu hình tròn đỏ ở phần giáp lai ảnh và dưới mục “Phòng quản lý sát hạch cấp GPLX” trên hai “Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A1, A2 là hình dấu được đóng trực tiếp; Các hình tròn đỏ ở phần giáp lai ảnh và dưới mục mục “Phòng Quản lý sát hạch cấp GPLX” trên hai “Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A1, A2 với hình dấu dưới mục “PHÓ GIÁM ĐỐC” trên công văn mẫu so sánh, ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Hoàng Việt A có tội. Bị cáo biết các GPLX hạng A1 là giấy tờ hoàn toàn bị làm giả và do một nơi làm ra. Tuy nhiên bị cáo vẫn thông báo trên mạng facebook nhằm thu hút người có nhu cầu làm GPLX hạng A1 mà không cần phải thi sát hạch. Bị cáo đưa ra các thông tin về GPLX hạng A1 là thật và có hồ sơ lưu cấp cho cá nhân làm GPLX. Chỉ cần có tiền là có thể mua được GPLX hạng A1 với thủ tục rất đơn giản, không qua các bước theo nguyên tắc của NH nước quy định đối với thi sát hạch GPLX. Việc làm của bị cáo đã tác động trúng T lý của nhân dân e ngại giao dịch với cơ quan có thẩm quyền kèm theo các thủ tục bắt buộc. Mặc dù không phải là người trực tiếp làm ra các GPLX giả nhưng bị cáo đã làm vai trò chính trong việc nhận tiền cùng các giấy tờ nhân thân để chuyển đến cho đối tượng H làm tHnh công các GPLX giả. Hậu quả toàn bộ 37 GPLX giả được giao cho 37 người để làm căn cứ lưu thông phương tiện xe mô tô trên đường.

Chứng cứ xác định Hnh vi của bị cáo đã phạm vào tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 341 của Bộ luật hình sự. Hnh vi của bị cáo được thực hiện bằng lối cố ý trực tiếp, xâm phạm vào hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý Hnh chính cơ quan NH nước về tài liệu hoặc giấy tờ khác, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hoàng Việt A có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về Hnh vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Tổng số GPLX bị cáo làm giả 37 GPLX hạng A1, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Làm giả

tài liệu của cơ quan, tổ chức định khung hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 03 năm đến 07 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Hoàng Việt A là người dân tộc Tày sinh sống tại bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Là một Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị cáo nhận thức biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng do hám lời mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội để phải nhận một bản án không đáng có trong cuộc đời.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã nhiều lần làm giả GPLX hạng A1 với mỗi lần bị cáo làm từ trên 6 GPLX trở lên đều cấu thành tội phạm. Do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động đến gia đình nộp một phần tiền để trả cho người dân khắc phục hậu quả. Trong thời gian bị truy nã, bị cáo đã nhận thức được việc làm của bản thân và ra đầu thú. Bố đẻ của bị cáo là ông Hoàng Văn Đ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang Hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy chương Quân kỳ quyết thắng. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo

khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Hoàng Việt A.

[8] Về vật chứng: Vật chứng là các GPLX hạng A1 giả và hồ sơ thi sát hạch giả tịch thu, tiêu hủy. Vật chứng là chiếc điện thoại của Poòng Văn V do không chứng minh được Hnh vi của V do vậy trả lại cho Poòng Văn V; vật chứng là chiếc điện thoại của Hoàng Việt A là phương tiện phạm tội tịch thu hóa giá sung ngân sách NH nước theo quy định tại điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền Poòng Văn V giữ lại của 37 người làm GPLX giả có tổng giá trị là 4.200.000 đồng buộc Poòng Văn V phải trả lại toàn bộ cho những người này. Tổng số tiền 37 người dân ở các bản P, L và N trả cho Hoàng Việt A và H để làm GPLX là 70.100.000. Bị cáo Hoàng Việt A phải chịu trách nhiệm trả lại cho 37 người trên tổng giá trị này và được trừ phần tiền của Poòng Văn V.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Hoàng Việt A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/7/2022; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

[13] Các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ tên H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến Hnh xác minh tại xã C, huyện M, tỉnh Sơn La xác định H tên đầy đủ là Đào Thị H, sinh năm 1989, trú tại: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Hiện H vắng mặt tại địa bàn cư trú. Cơ Quan điều tra đã tách Hnh vi của Đào Thị H để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau. Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục làm rõ Hnh vi của Đào Thị H để có hình thức xử lý phù hợp.

Đối với Poòng Văn V và Lường Thị T là những người đã giúp Hoàng Việt A trong việc thông báo, tìm người, nhận và chuyển tiền, thông tin cá nhân của những người có nhu cầu làm giấy phép lái xe cho Hoàng Việt A. Quá trình điều tra xác định V và T đều không biết các giấy phép lái xe trên là giả, mục đích của V và T là để hưởng lợi cá nhân, do đó cơ quan điều tra không đề nghị xử lý. Hội đồng xét xử

không xem xét.

Hoàng Việt A còn khai nhận làm giấy phép lái xe mô tô giả cho một số người khác ở các tỉnh, thành khác nhau, nhưng bị cáo không nhớ tên, tuổi, địa chỉ, các cuộc trao đổi, gửi thông tin đều qua Zalo, do số điện thoại tài khoản Zalo của bị cáo đã bị mất và không nhớ số điện thoại đăng ký nên cơ quan điều tra không đủ cơ sở làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong sao kê lịch sử giao dịch BIDV của Hoàng Việt A còn thể hiện vào ngày 19/4/2020 và ngày 04/5/2020 đã nhận số tiền 22.000.000 đồng của NONG VAN THANH với nội dung “dat coc tien lam bang xe o to”. Bị cáo khai nhận đây là một người đàn ông không biết tên, địa chỉ, nói là ở tỉnh Sơn La đã liên lạc với bị cáo qua Zalo nhờ làm giấy phép lái xe ô tô, tuy nhiên bị cáo chưa kịp chuyển tiền cọc cho H thì người này gọi điện nói không làm nữa. Do người đàn ông này không có tài khoản để nhận tiền nên Hoàng Việt A đã trực tiếp trả lại người đàn ông số tiền trên, thông tin của người đàn ông này đã bị mất cùng số tài khoản zalo. Cơ quan điều tra không đủ cơ sở làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lý Văn C, sinh năm 1992, trú tại bản L, xã P là người đã được Poòng Văn V nhờ thu tiền, nhận và giao hộ giấy phép lái xe cho Mào Văn L, Mào Văn T, Mào Văn T. Quá trình điều tra xác định C không biết các giấy phép lái xe trên trên là giả nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lò Văn H, Lò Đức H, Lường Văn B, Thùng Văn V đã nhờ Hoàng Việt A mua giấy phép lái xe. Tại thời điểm này bị cáo chưa biết các giấy phép lái xe trên là giả nên không có cơ sở buộc bị cáo phải trả lại tiền cho những người trên và bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần làm giấy phép lái xe này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Hoàng Việt A** phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Hoàng Việt A 04** (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 11/01/2022.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 579 và 580 của Bộ luật dân sự 2015.

3.1. Buộc Poòng Văn V, sinh năm 1996, địa chỉ ở bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên phải trả lại tiền mua giấy phép lái xe cho 37 người sau:

- Trả lại cho Poòng Thị T, Poòng Văn M, Poòng Văn C, Lường Thị T, Thùng Văn T, Thùng Thị T, Lường Thị V, Lò Thị N, Trần Viết K, Thùng Thị L, Cà Thị L,

Poòng Văn H, Lường Thị N đều có địa chỉ ở bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên mỗi người 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Chảo Văn T, Lùng Văn T, Hùng Văn C, Lùng Văn D, Lùng Văn T, Chảo Văn S, Mào Văn T, Lý Văn C, Hùng Văn N, Lùng Văn T, Mào Văn L, Mào Văn T, Mào Văn L, Mào Văn T, Lùng Văn B, Lý Văn Sum, Lùng Văn B, Lò Văn C, Lý Văn Bòn, Lý Thị C, Lùng Văn I đều có địa chỉ ở bản L, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên mỗi người 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Poòng Thị N địa chỉ ở bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên mỗi người 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Poòng Thị M, Tao Thị L đều có địa chỉ ở bản N, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền Poòng Văn V phải trả lại cho 37 người là 4.200.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền 4.400.000 đồng Poòng Văn V đã nộp tại cơ quan Thi Hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tiền số 2815 ngày 12/7/2022. Trả lại cho Poòng Văn V 200.000 đồng đã nộp.

3.2. Buộc bị cáo Hoàng Việt A phải trả lại tiền mua giấy phép lái xe cho 37 người sau:

- Trả lại cho Poòng Thị T, Poòng Văn M, Poòng Văn C, Lường Thị T, Thùng Văn T, Thùng Thị T, Lường Thị V, Lò Thị N, Trần Viết K, Thùng Thị L, Cà Thị L, Poòng Văn H, Lường Thị N đều có địa chỉ ở bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên mỗi người 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Chảo Văn T, Lùng Văn T, Hùng Văn C, Lùng Văn D, Lùng Văn T, Chảo Văn S, Mào Văn T, Lý Văn C, Hùng Văn N, Lùng Văn T, Mào Văn L, Mào Văn T, Mào Văn L, Mào Văn T, Lùng Văn B, Lý Văn Sum, Lùng Văn B, Lò Văn C, Lý Văn Bòn đều có địa chỉ ở bản L, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên mỗi người 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Lý Thị C, Lùng Văn I đều có địa chỉ ở bản L, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên mỗi người 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Poòng Thị N địa chỉ ở bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên; Poòng Thị M, Tao Thị L đều có địa chỉ ở bản N, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên mỗi người 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền bị cáo Hoàng Việt A phải trả lại cho 37 người là 66.100.000 (sáu mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng) đồng. Khấu trừ vào số tiền 4.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi Hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tiền số 2817 ngày 19/7/2022. Bị cáo còn phải trả tiếp 62.100.000 đồng (sáu mươi hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà bị cáo Hoàng Việt A chậm trả tiền thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 37 giấy phép lái xe hạng A1 giả; 01 bộ hồ sơ sát hạch giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Poòng Thị N; 01 bộ hồ sơ sát hạch giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Poòng Thị M.

- Tịch thu của bị cáo Hoàng Việt A 01 chiếc điện thoại di động hóa giá sung ngân sách NH nước.

- Trả lại cho Poòng Văn V, sinh năm 1996, địa chỉ ở bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên 01 chiếc điện thoại di động

Toàn bộ vật chứng được đựng trong các phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 11/4/2022 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện N.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Hoàng Việt A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/7/2022; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- UBKT Huyện ủy N;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- NH tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân

- Bị cáo, người LQ;
- Lưu.

HỘI THẨM	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM
-----------------	--	-----------------

Khoàng Văn Sơn

Nguyễn Mạnh Huân

Chảo Phù Hiển

